

BÁO CÁO CỬ MỤC LỤC GIÁM ĐỐC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 24/08/2018 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký 128.070.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2018 128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

Ông Trịnh Bá Hoàng

Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Trịnh Bá Hoàng

Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Ông Đặng Việt Hùng

Bà Lê Thị Trí

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Ông Nguyễn Thế Phong

Ông Nguyễn Thanh Triều

Chức vụ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh trong năm 2018 lỗ: (24.952.656.373 đồng).

Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 là: (79.423.796.800) đồng

Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và lỗ lũy kế của công ty đến 31/12/2018:

- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng không thuận lợi, đối với các khoản nợ trên 1 năm chưa thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại thời điểm lập báo cáo, do giá trị các khoản đầu tư có giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ nên Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Đối với hàng tồn kho gồm: Nguyên liệu, vật liệu. Công cụ, dụng cụ. Thành phẩm. Hàng hóa chậm luân chuyển. Công ty thực hiện đánh giá và ước tính giá trị tồn thất, thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty;

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRINH BÀ HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 20 tháng 03 năm 2019

Số: 357.../BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



Phó Tổng Giám Đốc

LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

TẠ QUANG TẠO

Số Giấy CNĐKHNKT 0055-2018-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181.887.382.740	251.605.960.162
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>147.945.405</i>	<i>398.100.778</i>
1. Tiền	111		147.945.405	398.100.778
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2.1</i>	<i>114.405.564</i>	<i>182.970.600</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(416.594.436)	(348.029.400)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>19.447.361.696</i>	<i>18.854.644.007</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	20.560.978.388	18.575.971.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.305.789.200	3.553.639.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	5.562.818.533	3.488.420.245
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(9.982.224.425)	(6.763.387.039)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.07</i>	<i>162.177.670.075</i>	<i>231.512.797.085</i>
1. Hàng tồn kho	141		179.134.066.993	243.619.720.085
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.956.396.918)	(12.106.923.000)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>-</i>	<i>657.447.692</i>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	657.447.692
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.164.624.559	64.881.030.816
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>1.674.916.979</i>	<i>1.674.916.979</i>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	2.137.408.742	2.137.408.742
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(462.491.763)	(462.491.763)
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>31.085.247.664</i>	<i>33.950.266.751</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	21.150.166.214	23.397.116.553
- Nguyên giá	222		120.720.250.229	120.682.270.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.570.084.015)	(97.285.153.676)
2. TSCĐ vô hình	227	V.09	9.935.081.450	10.553.150.198
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.275.797.043)	(4.657.728.295)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>4.478.372.769</i>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	4.478.372.769
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.2.2</i>	<i>21.269.598.978</i>	<i>24.602.512.825</i>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.992.000.000	14.992.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.941.826.673)	(12.608.912.825)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>3.134.860.938</i>	<i>174.961.492</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.134.860.938	174.961.492
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239.052.007.299	316.486.990.978

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		145.028.528.631	197.510.855.937
I. Nợ ngắn hạn	310		102.132.479.382	154.521.931.150
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	26.580.458.572	83.034.153.667
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.734.181.229	3.061.329.768
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.432.468.220	29.958.811
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	600.000.000	600.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	4.712.634.118	4.353.819.935
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	51.892.469.227	57.180.239.162
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6.180.268.016	6.262.429.807
II. Nợ dài hạn	330		42.896.049.249	42.988.924.787
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	36.676.049.249	36.768.924.787
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	6.220.000.000	6.220.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.023.478.668	118.976.135.041
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	94.023.478.668	118.976.135.041
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(79.423.796.800)	(54.471.140.427)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(54.471.140.427)	(25.432.012.673)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239.052.007.299	316.486.990.978

Phan

NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Người lập
Ngày 2/1/2019

Phan

NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		182.606.978.517	127.448.786.963
2.	Các khoản giảm trừ	02		3.383.598.829	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	179.223.379.688	127.448.786.963
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	166.352.373.309	118.956.732.815
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.871.006.379	8.492.054.148
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	595.103.371	376.126.657
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	8.746.151.555	18.269.753.813
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.292.003.121	4.583.926.939
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	6.056.875.326	4.952.784.675
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	15.192.083.811	14.651.925.080
10.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.529.000.941)	(29.006.282.763)
11.	Thu nhập khác	31		1.857.000	7.172.084
12.	Chi phí khác	32	VI.07	8.425.512.432	40.017.075
13.	Lợi nhuận khác	40		(8.423.655.432)	(32.844.991)
14.	Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(1.948)	(2.267)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(1.948)	(2.267)



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Người lập
Ngày 24 tháng 03 năm 2019



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

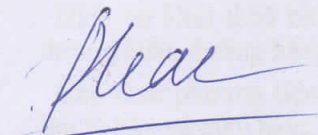
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.902.999.087	3.629.016.548
Các khoản dự phòng	03	11.469.790.188	19.193.717.154
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(82.943.250)	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(20.215.627)	934.822.210
Chi phí lãi vay	06	3.292.003.121	4.583.926.939
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.391.022.854)	(697.644.902)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.194.011.268)	7.935.120.974
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	64.485.653.092	(37.900.651.735)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(47.096.251.797)	58.256.532.405
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.518.473.323	126.575.727
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.292.003.121)	(4.583.926.939)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(82.161.791)	(74.070.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.948.675.583	23.061.935.348
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(37.980.000)	(105.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.985.017.782
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.215.627	1.696.469
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.764.373)	4.880.914.251
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	87.740.897.299	118.104.935.629
Tiền trả nợ gốc vay	34	(92.921.963.882)	(147.907.041.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.181.066.583)	(29.802.105.884)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(250.155.373)	(1.859.256.285)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	398.100.778	2.257.357.063
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	147.945.405	398.100.778


NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Người lập
Ngày 24 tháng 03 năm 2019


NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Kế toán trưởng


TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 24/08/2018 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2018	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm - thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- ✓ Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng không thuận lợi, đối với các khoản nợ trên 1 năm chưa thu hồi được Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại thời điểm lập báo cáo, do giá trị các khoản đầu tư có giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ nên Công ty phải thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Đối với hàng tồn kho gồm: Nguyên liệu, vật liệu. Công cụ, dụng cụ. Thành phẩm. Hàng hóa chậm luân chuyển. Công ty thực hiện đánh giá và ước tính giá trị tồn thất, thực hiện lập dự phòng vào chi phí theo thông tư hướng dẫn số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm, nhiều tài sản của Công ty hoạt động chưa hết công suất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty;

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- *Chi phí trả trước ngắn hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- *Chi phí trả trước dài hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17- Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

20- Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

21- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

22- Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	29.324.133	40.221.210
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.621.272	357.879.568
Cộng	<u>147.945.405</u>	<u>398.100.778</u>

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	114.405.564	416.594.436	531.000.000	182.970.600	348.029.400
Cộng	<u>531.000.000</u>	<u>114.405.564</u>	<u>416.594.436</u>	<u>531.000.000</u>	<u>182.970.600</u>	<u>348.029.400</u>

Khoản đầu tư mua 7.836 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2018, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<u>ngàn VNĐ</u>	<u>ngàn VNĐ</u>	<u>ngàn VNĐ</u>	<u>ngàn VNĐ</u>	<u>ngàn VNĐ</u>	<u>ngàn VNĐ</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	-	1.499.200	14.992.000	-	1.499.200
Đầu tư vào đơn vị khác	22.219.426	-	14.442.627	22.219.426	-	11.109.713
Cộng	<u>37.211.426</u>	<u>-</u>	<u>15.941.827</u>	<u>37.211.426</u>	<u>-</u>	<u>12.608.913</u>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

2.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Cộng	14.992.000.000	14.992.000.000

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2018 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng tương đương 49%.

2.2.2 Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	22.219.425.650	22.219.425.650
Cộng	22.219.425.650	22.219.425.650

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012 với số vốn góp tại ngày 31/12/2018 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	20.560.978.388	18.575.971.601
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	20.560.978.388	18.575.971.601
- Dragon Sourcing Group Limited	9.087.663.520	9.087.663.520
- Kim Distri	1.967.837.430	1.989.597.162
- Food Partners Co S.A	-	1.636.191.790
- Paris Store S.A	2.750.070.384	826.098.453
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	1.038.396.490	1.304.172.250
- Công ty Đông Phương Group Partnership	2.390.211.924	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.326.798.640	3.732.248.426
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	20.560.978.388	18.575.971.601

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Công ty TNHH THS Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	195.929.200	443.779.200
Cộng	<u>3.305.789.200</u>	<u>3.553.639.200</u>

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>	Giá trị <u>VNĐ</u>	Dự phòng <u>VNĐ</u>
5.1 Phải thu khác ngắn hạn	5.562.818.533	-	3.488.420.245	-
<i>Phải thu từ đối tượng khác</i>	<i>5.562.818.533</i>	-	<i>3.488.420.245</i>	-
Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn	4.138.335.668	-	2.258.330.983	-
Tạm ứng	1.403.882.865	-	1.115.989.262	-
Phải thu khác	20.600.000	-	114.100.000	-
5.2 Phải thu khác dài hạn	2.137.408.742	(462.491.763)	2.137.408.742	(462.491.763)
<i>Phải thu từ bên liên quan</i>	<i>462.491.763</i>	<i>-</i>	<i>462.491.763</i>	<i>-</i>
- ICF US	462.491.763	(462.491.763)	462.491.763	(462.491.763)
Phải thu từ đối tượng khác	1.674.916.979	-	1.674.916.979	-
Cộng	<u>7.700.227.275</u>	<u>(462.491.763)</u>	<u>5.625.828.987</u>	<u>(462.491.763)</u>

6. NỢ XẤU

	31/12/2018			01/01/2018		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc <u>VNĐ</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VNĐ</u>	Thời gian quá hạn	Giá gốc <u>VNĐ</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VNĐ</u>
<i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>						
Golden sea	trên 3 năm	402.022.575	-	trên 3 năm	402.022.575	-
ICF US	trên 3 năm	462.491.763	-	trên 3 năm	462.491.763	-
Golden Harvest Seafood Corporation	trên 2 năm	985.076.659	-		-	-
Dragon sourcing	Trên 3 năm	9.087.663.520	-	Trên 3 năm	9.087.663.520	-
Cộng		<u>10.937.254.517</u>	-		<u>9.952.177.858</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	159.038.326.074	-	216.357.506.109	-
- NVL nhập khẩu	8.243.064.443	-	60.973.154.072	-
- NVL trong nước	4.392.721.886	-	4.943.642.282	-
- BTP trong nước	139.674.008.724	(12.682.369.806)	144.606.471.681	(7.832.895.888)
- Vật liệu phụ, bao bì	6.728.531.021	-	5.834.238.074	-
Công cụ dụng cụ	2.735.219.567	-	2.794.350.274	-
Chi phí sản xuất dở dang	55.929.935	-	4.271.689	-
Thành phẩm	17.304.591.417	(4.274.027.112)	23.325.447.363	(4.274.027.112)
Hàng gửi bán	-	-	1.138.144.650	-
Cộng	179.134.066.993	(16.956.396.918)	243.619.720.085	(12.106.923.000)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc, thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị quản lý <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	43.718.683.540	67.374.751.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.682.270.229
Tăng trong năm	-	37.980.000	-	-	37.980.000
Tại ngày 31/12/2018	43.718.683.540	67.412.731.844	7.734.556.758	1.854.278.087	120.720.250.229
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	27.715.667.445	61.518.457.620	6.237.407.617	1.813.620.994	97.285.153.676
Khấu hao	1.641.833.892	391.439.839	232.280.820	19.375.788	2.284.930.339
Tại ngày 31/12/2018	29.357.501.337	61.909.897.459	6.469.688.437	1.832.996.782	99.570.084.015
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	16.003.016.095	5.856.294.224	1.497.149.141	40.657.093	23.397.116.553
Tại ngày 31/12/2018	14.361.182.203	5.502.834.385	1.264.868.321	21.281.305	21.150.166.214

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 55.710.437.703 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 17 trang 25 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Phú Mỹ số 00019A/BHTS/BVPM/KD06/2018 ngày 13/4/2018. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 05/05/2018 đến ngày 04/05/2019).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa <u>VNĐ</u>	Quyền sử dụng đất <u>VNĐ</u>	Phần mềm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	4.283.516.074	276.124.623	98.087.598	4.657.728.295
Khấu hao	285.645.996	286.422.756	45.999.996	618.068.748
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	4.569.162.070	562.547.379	144.087.594	5.275.797.043
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	1.429.403.926	9.008.746.270	115.000.002	10.553.150.198
Tại ngày 31/12/2018	1.143.757.930	8.722.323.514	69.000.006	9.935.081.450

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 9/2049.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 <u>VNĐ</u>	01/01/2018 <u>VNĐ</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí đầu tư vùng nuôi	-	4.478.372.769
Cộng	-	4.478.372.769

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 <u>VNĐ</u>	01/01/2018 <u>VNĐ</u>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	-	174.961.492
Trả trước chi phí xây dựng vùng nuôi	3.134.860.938	-
Cộng	3.134.860.938	174.961.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	26.580.458.572	83.034.153.667
Phải trả người bán khác	26.580.458.572	83.034.153.667
- Ocea Trading Co., Ltd	3.937.567.139	11.844.531.454
- Tai Foong USA	10.177.306.407	42.695.261.228
- Nichiyo Trading Co. Ltd.	1.090.386.021	1.122.073.875
- UTIC Co., Ltd	2.180.764.142	1.531.260.906
- FOOD PARTNERS CO SA	-	13.239.319.157
- Các khoản phải trả người bán khác	9.194.434.863	12.601.707.047
Cộng	<u>26.580.458.572</u>	<u>83.034.153.667</u>

Nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Tai Foong USA	841.510.539	-
- CharoenPokphand Foods Public Co. Ltd	607.570.831	-
- Utic Co., Ltd	1.151.908.365	1.577.865.679
- Các khoản trả trước khác	1.133.191.494	1.483.464.089
Cộng	<u>3.734.181.229</u>	<u>3.061.329.768</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018		Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	31/12/2018	
	Số phải thu	Phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>			<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế GTGT	-	-	823.378.985	823.378.985	-	-
Thuế thu nhập DN	-	-	5.407.481.899	-	-	5.407.481.899
Thuế TNCN	-	29.958.811	1.450.766.390	1.446.438.727	-	34.286.468
Thuế XNK	657.447.692	-	858.902.239	201.454.547	-	-
Thuế khác	-	-	3.000.000	2.993.699.847	-	2.990.699.847
Cộng	<u>657.447.692</u>	<u>29.958.811</u>	<u>8.543.529.513</u>	<u>5.464.972.106</u>	<u>-</u>	<u>8.432.468.214</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi vay cá nhân phải trả	600.000.000	600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VNĐ	VNĐ
16.1 Phải trả khác ngắn hạn	4.712.634.118	4.353.819.935
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	485.845.704	357.165.788
Kinh phí công đoàn	1.837.724.207	1.659.927.767
Tiền thưởng sản lượng	105.573.078	1.488.635.541
Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công	-	507.471.388
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	2.233.491.129	290.619.451
16.2 Phải trả khác dài hạn	36.676.049.249	36.768.924.787
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (*)	25.347.168.139	15.812.642.617
Phải trả cho ông Nguyễn Phát Quang	-	9.676.282.170
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu (*)	1.280.000.000	1.280.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (*)	10.048.881.110	10.000.000.000
Cộng	41.388.683.367	41.122.744.722

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là khoản phải trả (các bên liên quan) tiền mượn vốn kinh doanh tạm thời, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

17. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018	Trong năm		31/12/2018
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	57.180.239.162	87.640.897.299	92.928.667.234	51.892.469.227
- NH VCB - CN.HCM 17.1	53.830.239.162	87.640.897.299	89.578.667.234	51.892.469.227
+ Vay VND	31.047.856.694	46.280.695.240	44.687.205.425	32.641.346.509
+ Vay USD	22.782.382.468	41.360.202.059	44.891.461.809	19.251.122.718
- NH TMCP Nam Á	-	5.623.285.259	5.623.285.259	-
- Nguyễn Thị Kim Xuân	3.350.000.000	-	3.350.000.000	-
- Nguyễn Thị Kim Thu	-	100.000.000	100.000.000	-
Vay dài hạn 17.2	6.220.000.000	-	-	6.220.000.000
- Nguyễn Thị Kim Xuân	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Nguyễn Thị Kim Thu	2.220.000.000	-	-	2.220.000.000
Cộng	63.400.239.162	87.640.897.299	92.928.667.234	58.112.469.227

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 0079/1838/N-CTD ngày 19/6/2018 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0079/1838/N-KD/01 ngày 19/8/2018. Hạn mức tín dụng tại ngày 31/12/2018 là 55 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2018 bao gồm 32.641.346.509 đồng và 828.539,82 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

- Máy móc thiết bị đã qua sử dụng của công ty;
- Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà xưởng của công ty tại lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (tổng diện tích 14.593,90 m2).

(17.2) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất năm 2017 - 2018 là 0% theo biên bản thỏa thuận lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2018	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	31/12/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Quỹ khen thưởng	4.116.195.509	-	35.562.091	4.080.633.418
Quỹ phúc lợi	2.146.234.298	-	46.599.700	2.099.634.598
Cộng	6.262.429.807	-	82.161.791	6.180.268.016

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
01/01/2017	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(25.432.012.673)	148.015.262.795
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm	-	-	-	(29.039.127.753)	(29.039.127.753)
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-
01/01/2018	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(54.471.140.427)	118.976.135.041
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm	-	-	-	(24.952.656.374)	(24.952.656.374)
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
31/12/2018	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(79.423.796.800)	94.023.478.668

19.2. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.807.000	86.800.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**20.1. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
Dollar Mỹ (USD)	798,98	6.836,16
Euro (EUR)	532,83	543,75

20.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
HYL International	1.055.093.543	1.055.093.543
Công ty Biển Sáng	418.109.438	418.109.438
World Foods Co. Ltd.	177.046.800	177.046.800
IGLO GMBH	16.275.659	16.275.659
Nguyễn Văn Hiền	27.065.700	27.065.700
Cộng	<u>1.693.591.140</u>	<u>1.693.591.140</u>

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu xuất khẩu	161.110.742.612	93.381.520.433
Doanh thu bán hàng nội địa	7.087.368.814	22.782.201.675
Doanh thu khác	14.408.867.091	11.285.064.855
	<u>182.606.978.517</u>	<u>127.448.786.963</u>
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	3.383.598.829	-
Cộng doanh thu thuần	<u>179.223.379.688</u>	<u>127.448.786.963</u>

Chi tiết doanh thu như sau:

	<u>USD</u>	<u>VNĐ</u>	Quy ra VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	7.018.608,67	-	161.110.742.612
Doanh thu bán hàng nội địa	-	7.087.368.814	7.087.368.814
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	14.408.867.091	14.408.867.091
Cộng	<u>7.018.608,67</u>	<u>21.496.235.905</u>	<u>182.606.978.517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	161.502.899.391	113.087.940.215
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.849.473.918	5.868.792.600
Cộng	<u>166.352.373.309</u>	<u>118.956.732.815</u>

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.215.627	1.696.469
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	574.887.744	374.430.188
Cộng	<u>595.103.371</u>	<u>376.126.657</u>

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	3.292.003.121	4.583.926.939
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn và dài hạn	3.401.478.884	11.891.730.748
Lỗ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	-	936.518.679
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.052.669.550	857.577.447
Cộng	<u>8.746.151.555</u>	<u>18.269.753.813</u>

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.662.783.656	1.250.442.749
Chi phí vận chuyển	2.643.311.877	2.751.358.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.887.270	292.637.351
Chi phí bằng tiền khác	1.589.892.523	658.346.280
Cộng	<u>6.056.875.326</u>	<u>4.952.784.675</u>

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên quản lý	8.690.275.240	9.549.488.080
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	94.580.763	316.179.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	339.088.452	456.930.097
Chi phí dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	3.218.837.386	1.428.114.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.224.263.203	1.747.993.312
Chi phí bằng tiền khác	1.625.038.767	1.153.219.950
Cộng	<u>15.192.083.811</u>	<u>14.651.925.080</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế TNDN bị truy thu	5.407.481.899	-
Các khoản phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	2.990.699.847	40.017.075
Các khoản chi phí khác	27.330.686	-
Cộng	8.425.512.432	40.017.075

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗ trước thuế	(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	8.398.181.746	40.017.075
a) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.398.181.746	40.017.075
b) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán		
Thu nhập chịu thuế	(16.554.474.627)	(28.999.110.679)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông	(24.952.656.373)	(29.039.127.754)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	(1.948)	(2.267)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	201.992.808.161	200.227.708.664
Chi phí nhân công	31.226.187.364	26.937.580.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.902.999.087	3.994.563.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.285.208.385	19.920.026.371
Chi phí khác	3.214.931.290	5.159.663.213
Cộng	253.622.134.287	256.239.542.394

IV. THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

		31/12/2018	01/01/2018
Nợ phải thu			
Incomfish US	USD	4.539,80	4.539,80
Incomfish US	VNĐ	462.491.763	462.491.763
Nợ phải trả			
Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	VNĐ	10.048.881.110	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VNĐ	29.347.168.139	23.162.642.617
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VNĐ	3.500.000.000	3.500.000.000
Ông Nguyễn Phát Quang	VNĐ	-	9.676.282.170

Tiền lương và phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018 là 2.962.048.264 đồng.

3. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tuy nhiên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2018 đang lỗ. Lợi nhuận kinh doanh năm 2018 lỗ: (24.952.656.373) đồng, Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 là: (79.423.796.800) đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

5- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

06- Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Người lập
Ngày 24 tháng 03 năm 2019



NGUYỄN NGÔ TẤN PHÁT
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc